

Quy định về khổ giấy theo ISO 216

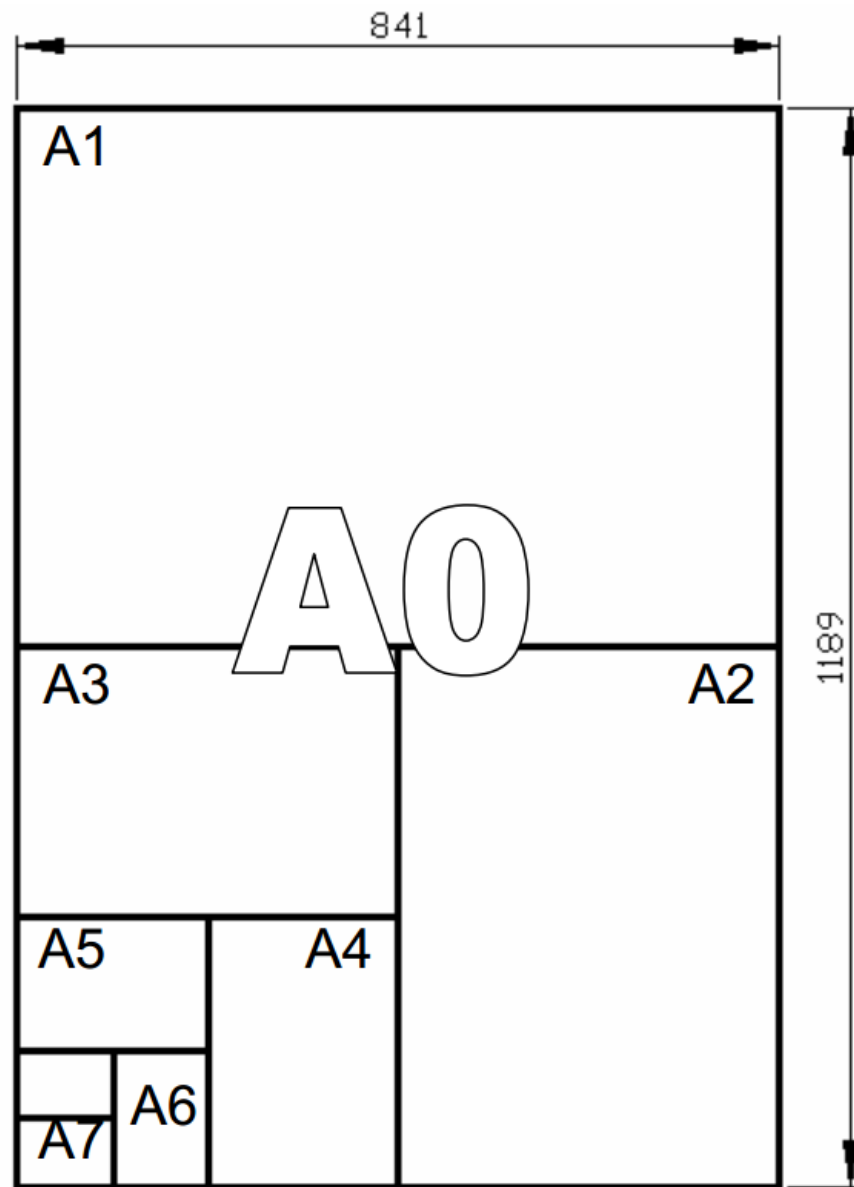
Khổ giấy trong ISO 216 dựa theo Quy định kỹ thuật Đức DIN 476. Quy định này định những kích thước về khổ giấy theo mm. Khoảng cách từ đường rìa của từng khổ giấy đến phạm vi thiết kế được định là 5mm.

Nhóm A	
A0	841 × 1189
A1	594 × 841
A2	420 × 594
A3	297 × 420
A4	210 × 297
A5	148 × 210
A6	105 × 148

Nhóm B	
B0	1000 × 1414
B1	707 × 1000
B2	500 × 707
B3	353 × 500
B4	250 × 353
B5	176 × 250
B6	125 × 176

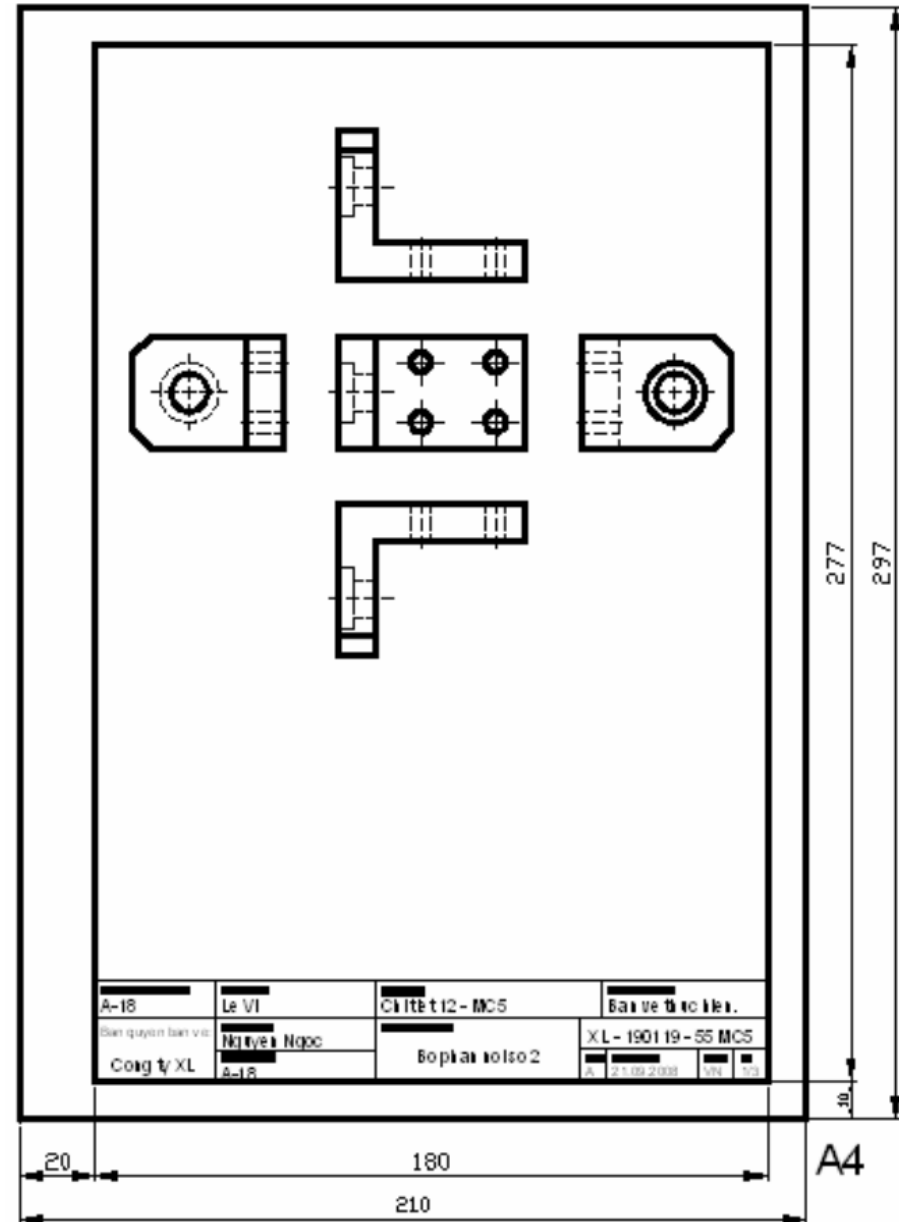
Quy định về khổ giấy theo ISO 216

Nhóm B = khoảng 1,19 lần nhóm A.
Nhóm C = khoảng 1,09 lần nhóm A.
Nhóm E = khoảng 1,34 lần nhóm A.

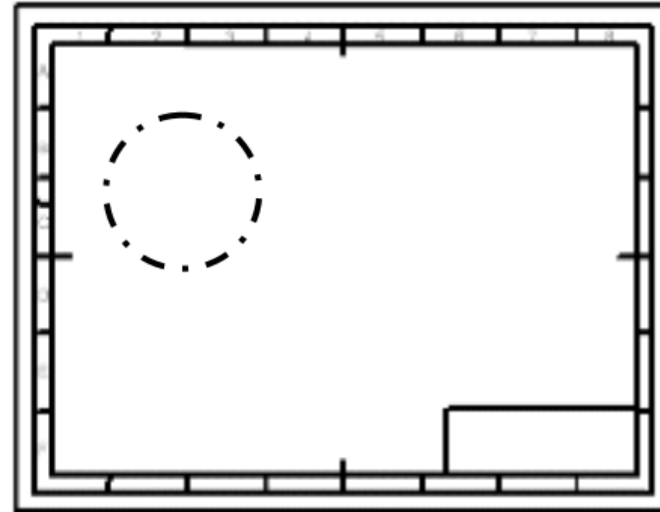
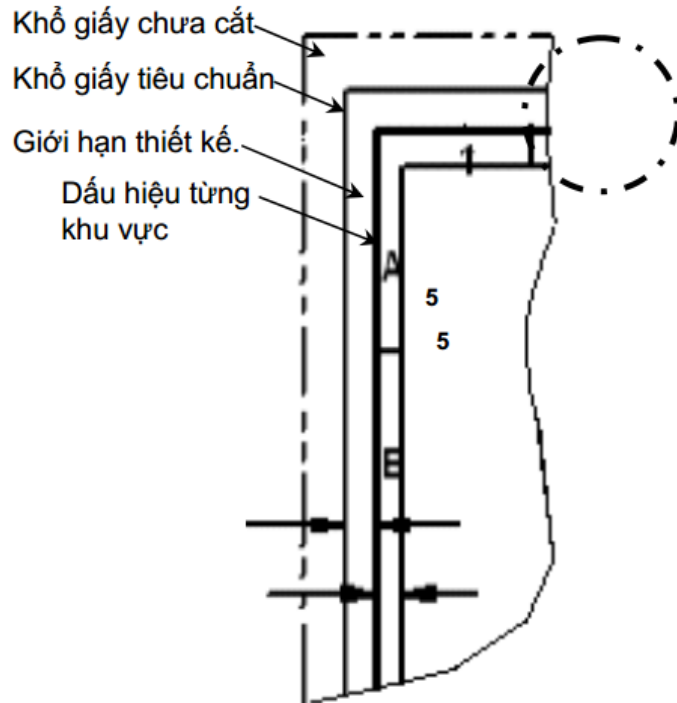


Phạm vi thiết kế trên khổ giấy -ISO 5457

Phạm vi vẽ thiết kế trên giấy theo khổ quy định có đường viền trống chung quanh.
Bản vẽ có thể có khổ ngang hoặc khổ dọc. Phần tên và ghi chú của bản vẽ phải nằm bên dưới, nếu bản vẽ là chiều ngang, phần tên và ghi chú phải nằm ở góc bên phải.



Tiêu chuẩn về khung, phần tên bản vẽ-ISO 7200.



Phòng chịu trách nhiệm: A-18	Trách nhiệm: Le Vi	Loại tài liệu: Chi tiết 12 - MC5	Tình trạng tài liệu: Bản vẽ thực hiện.			
Ban quyền bản vẽ: Cong ty XL	Người thiết kế: Nguyễn Ngọc	Tên bản vẽ, chi tiết: Bộ phận nội số 2	XL - 190119 - 55 MC5			
	Người kiểm tra: A-18		MTD: A	Ngày, tháng: 21.09.2008	Ngày: VN	Số: 1/3

180

Tiêu chuẩn về tỷ lệ trong bản vẽ kỹ thuật ISO 5455

Tỷ lệ là trị số thu nhỏ hoặc phóng lớn kích thước thuận của một chi tiết thiết kế hoặc toàn cảnh.

Tỷ lệ của kích thước trung thực là 1:1.

Tỷ lệ phóng lớn là tỷ lệ theo trị số $X : 1$ khi X lớn hơn 1.

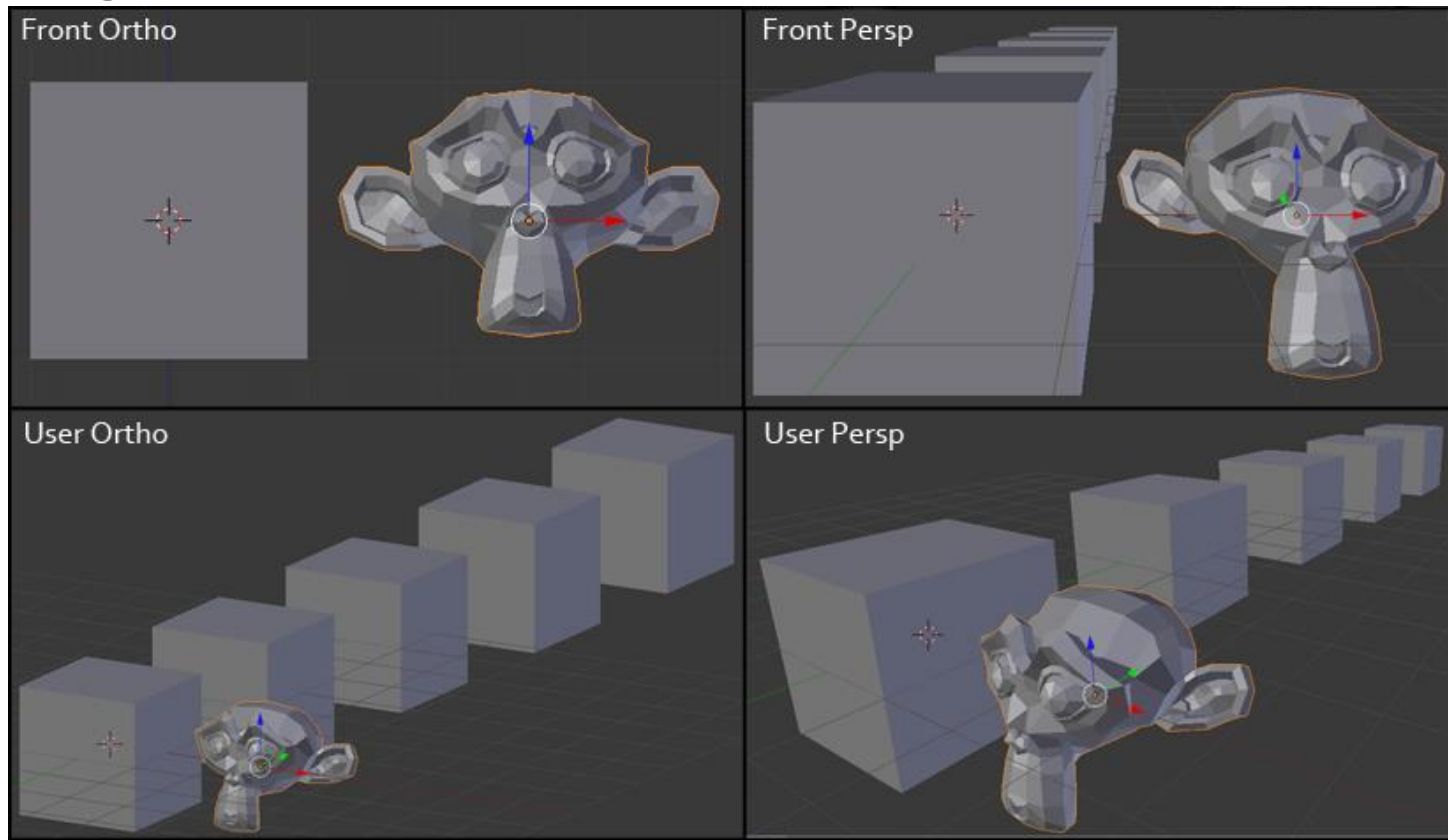
Tỷ lệ thu nhỏ là tỷ lệ theo trị số $1 : X$ khi X lớn hơn 1.

Trị số X là trị số chẵn được quy định như 1, 2, 5, 10, 20, 50 v.v...

Loại	Tỉ lệ theo tiêu chuẩn:		
Tỉ lệ thực	1:1		
Tỉ lệ phóng lớn	2:1	5:1	
	10:1	20:1	50:1
Tỉ lệ thu nhỏ	1:2	1:5	
	1:10	1:20	1:50
	1:100	1:200	1:500
	1:1000	1:2000	1:5000
	1:10000		

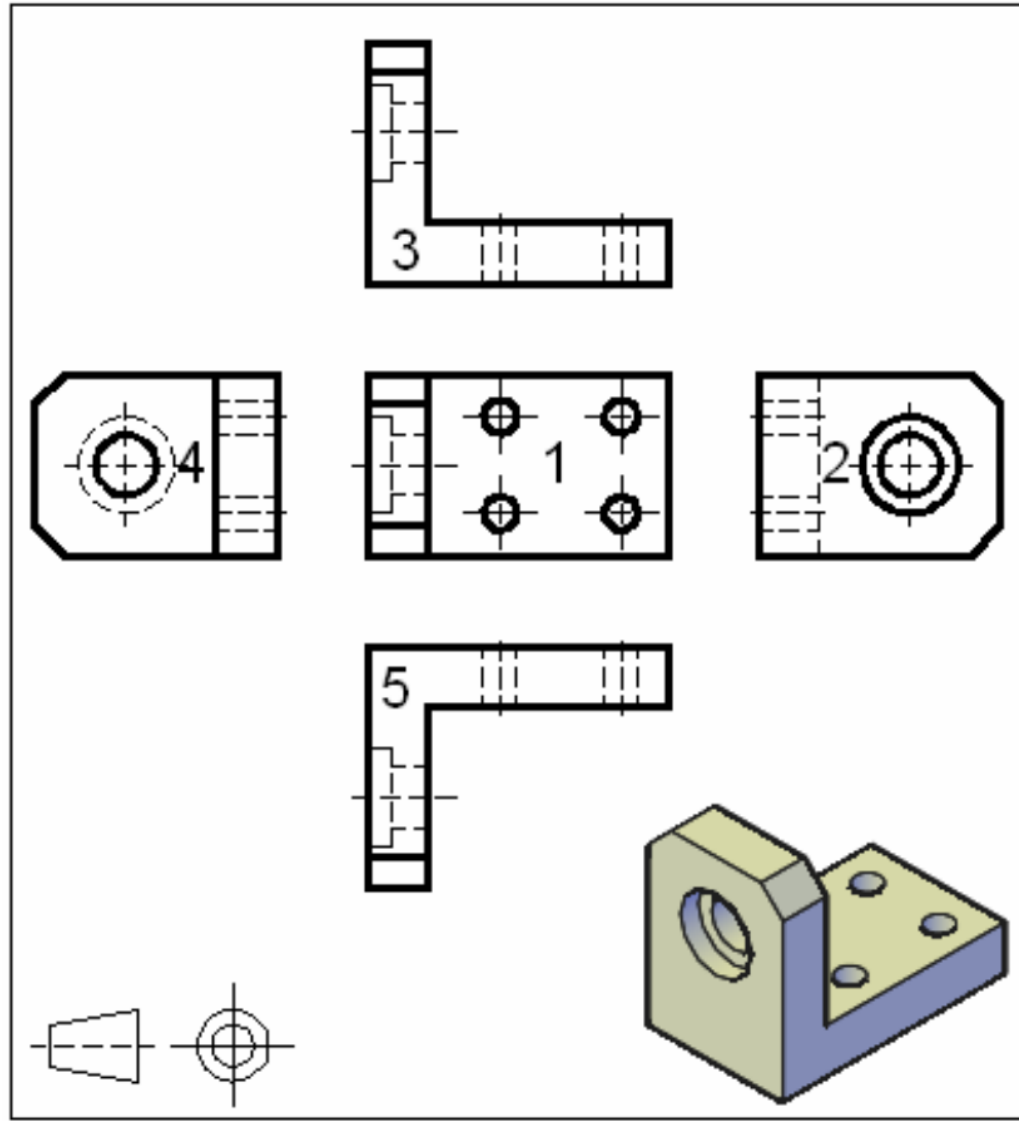
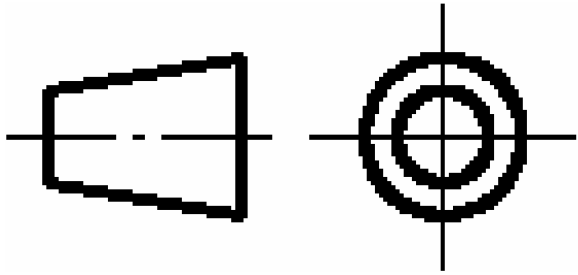
Quy định về phép chiếu trong bản vẽ-ISO 5456.

Nguyên tắc chung trong kỹnghệ họa là ứng dụng theo hướng chiếu song song, phép chiếu hoặc hướng nhìn Perspective chỉ được ứng dụng để trình bày, giới thiệu hoặc quảng cáo



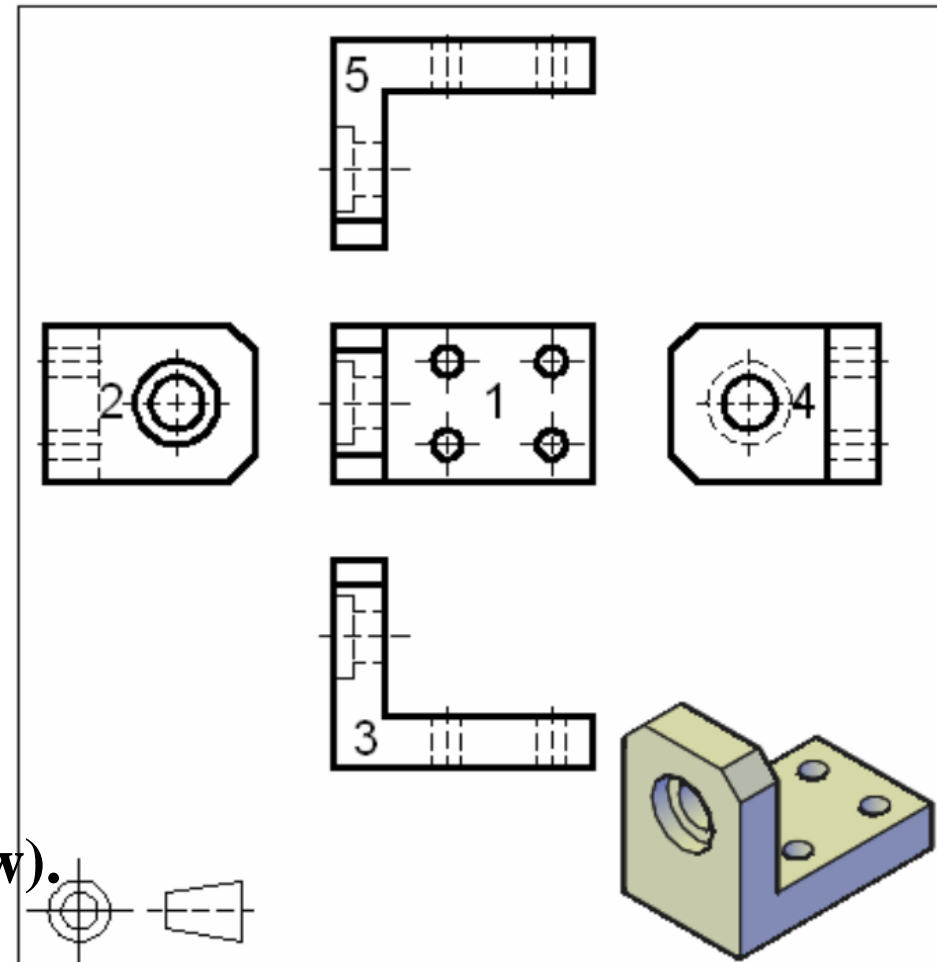
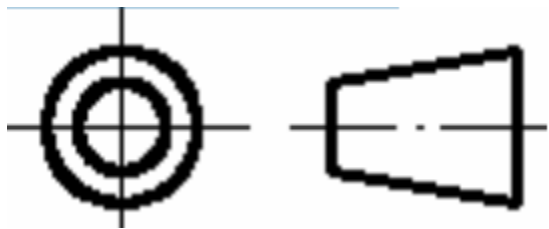
Phép chiếu loại 1 hoặc loại E (First Angle Projection).

Ký hiệu phép chiếu loại 1:



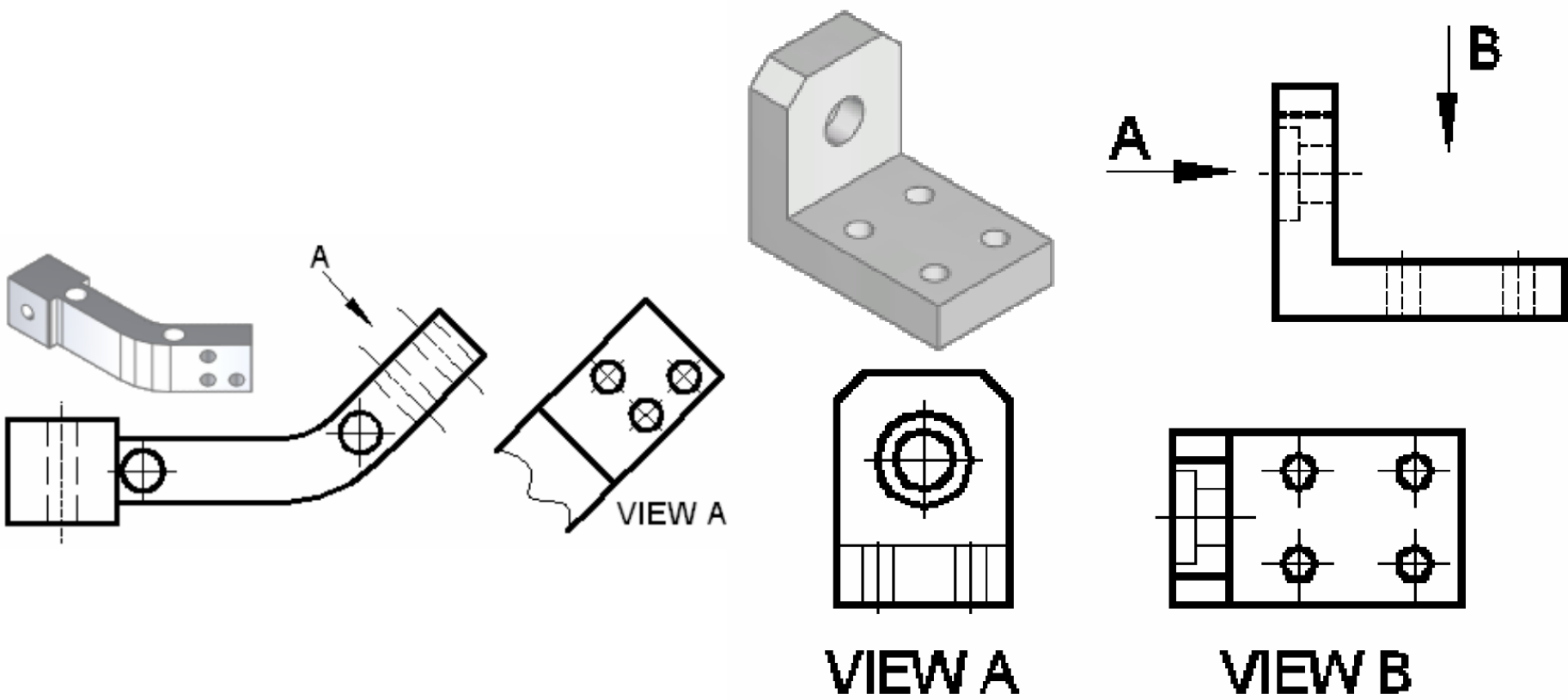
Phép chiếu loại 3 hoặc A (3rd Angle Projection).

Ký hiệu phép chiếu loại 3:



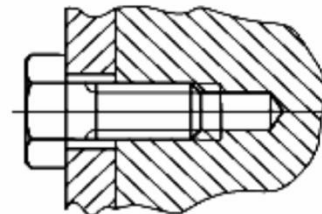
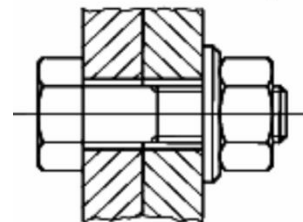
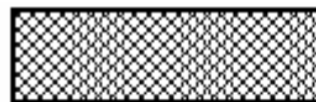
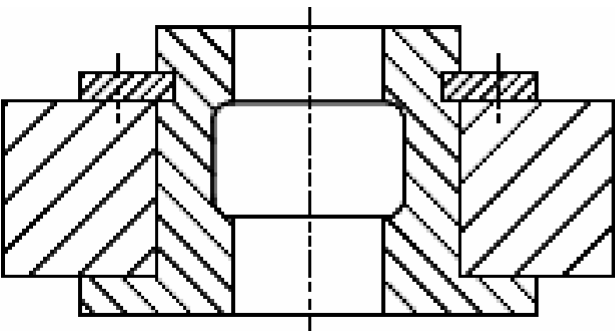
- 1–Nhìn từ phía trước (Front view).
- 2–Nhìn từ bên trái (Left-side view).
- 3–Nhìn từ dưới (Bottom view).
- 4–Nhìn từ bên phải (Right-side view).
- 5–Nhìn từ trên (Top view).

Quy định về hướng nhìn

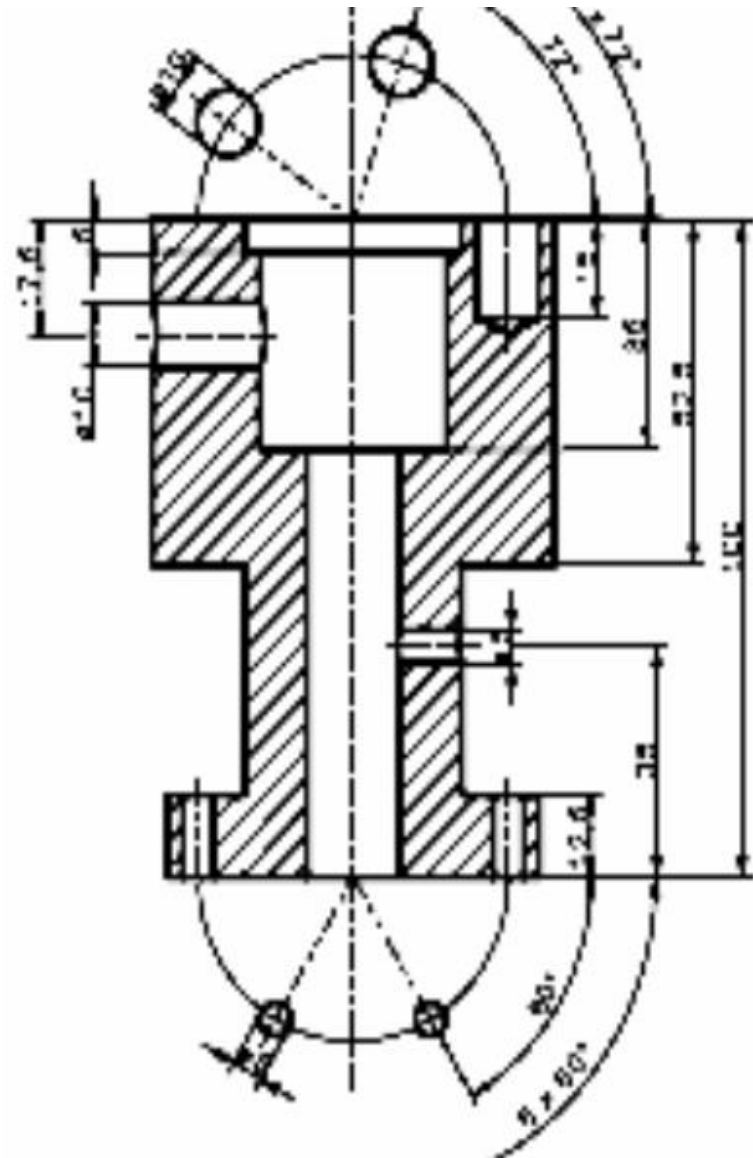
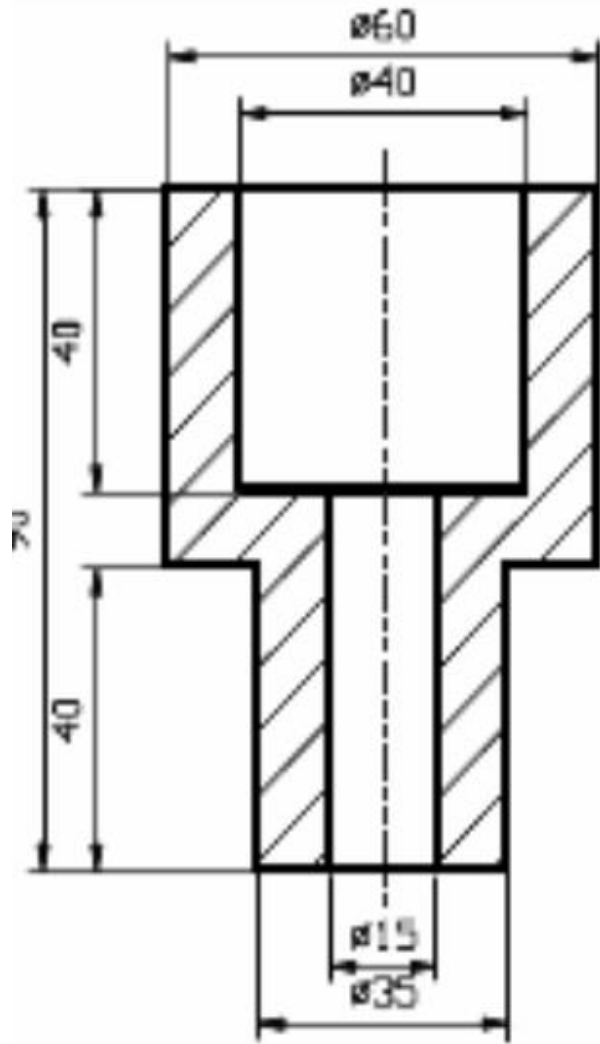


Mặt cắt:

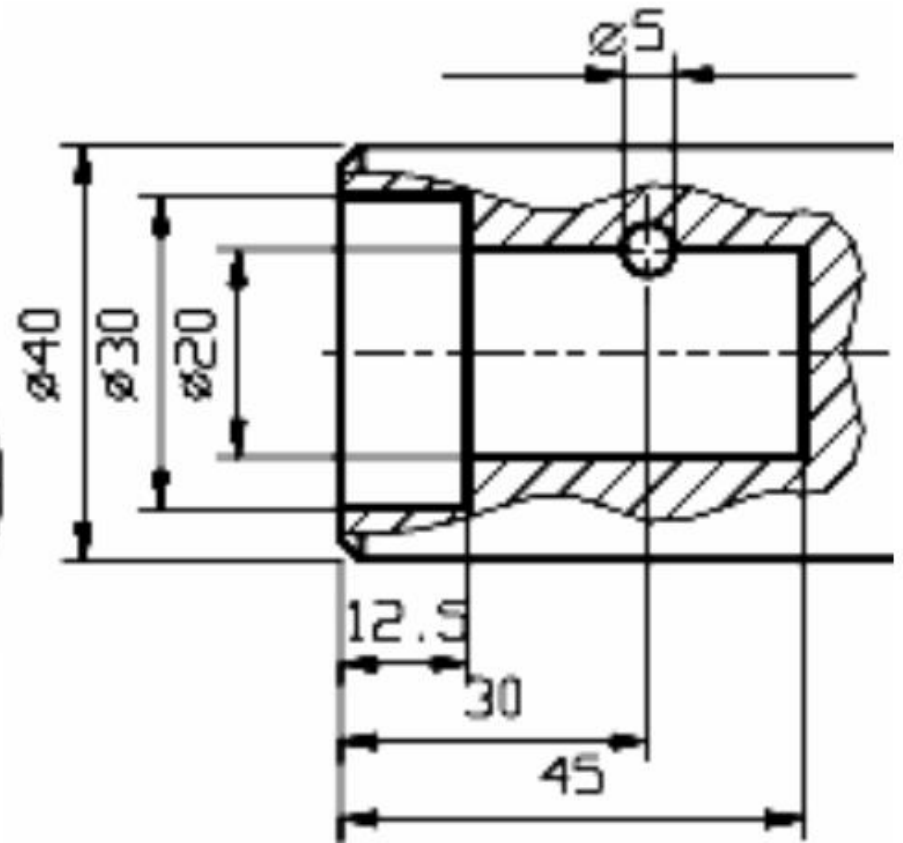
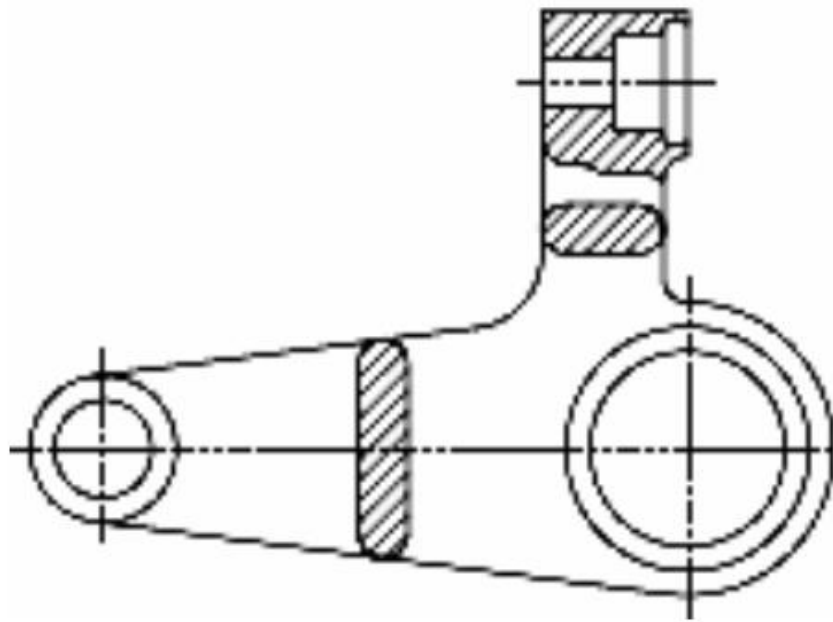
Để định kích thước cũng như làm rõ những yếu tố kỹ thuật bên trong chi tiết thiết kế, có thể tạo những mặt cắt khác nhau. Những mặt cắt này được tô với những đường nét chải theo quy định, thông thường là đường nét chải có góc nghiêng 45° và hướng theo chiều bên phải. Nếu đó là những chi tiết thiết kế khác nhau, hình nét chải nên được vẽ với những độ nghiêng khác nhau. Nếu cần thiết có thể định thêm khoảng cách nét chải của từng chi tiết.



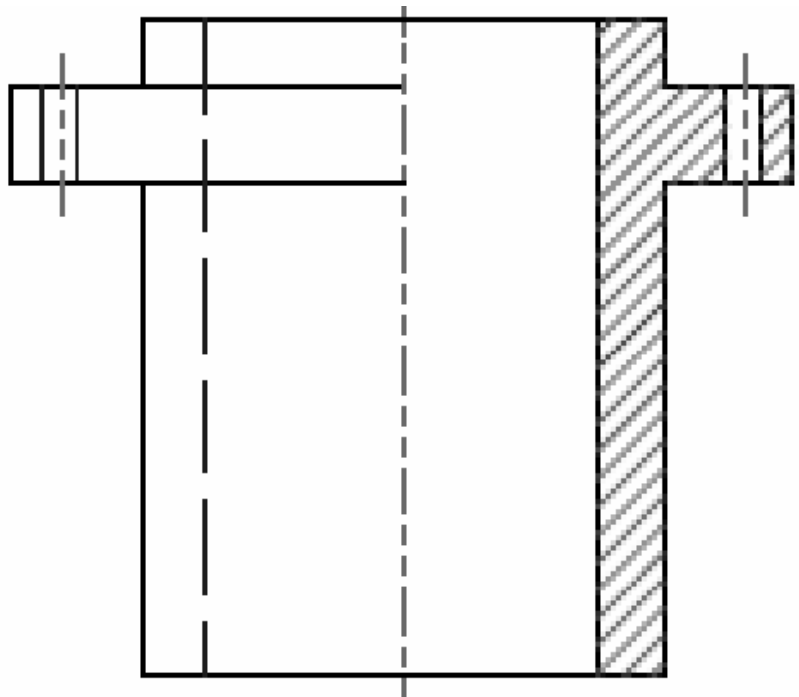
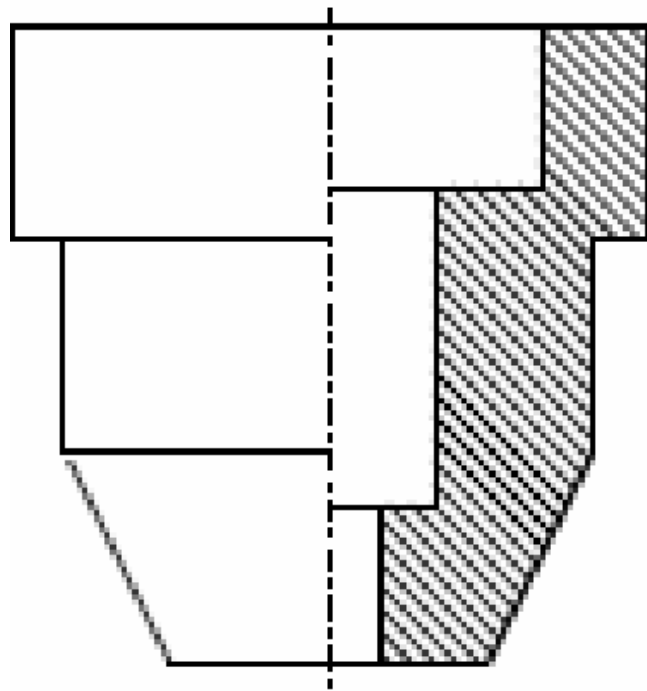
Mặt cắt toàn phần:



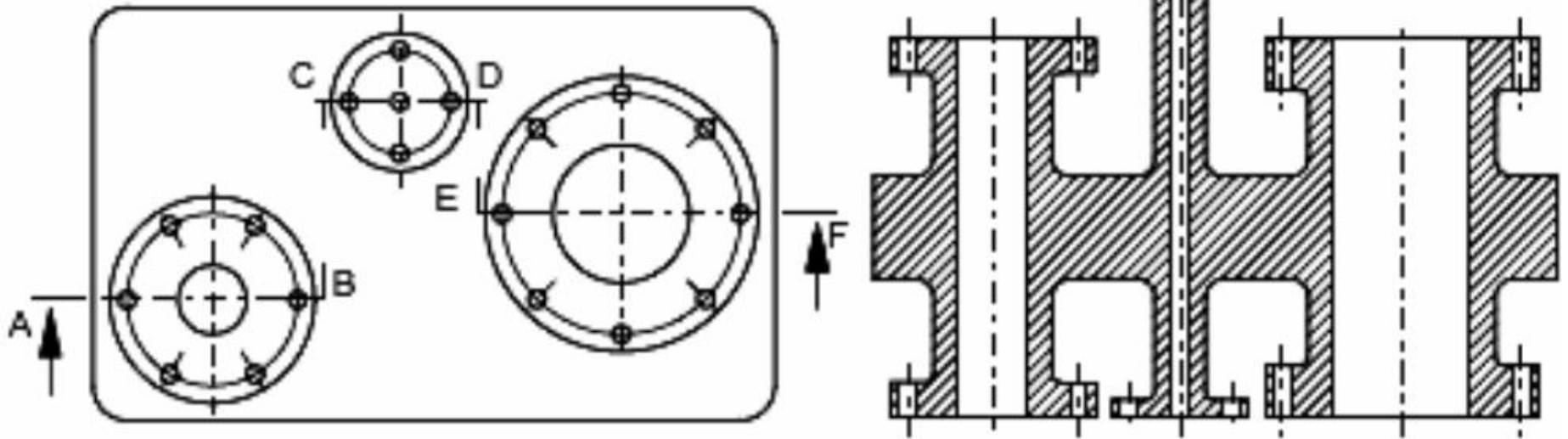
Mặt cắt một phần



Mặt cắt một nửa.



Mặt cắt theo từng lớp khác nhau



Tiêu chuẩn về lỗ xoắn tròn ốc

